

Bản án số: 185/2022/DS-ST

Ngày: 21-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Ông Đặng Đình Tiến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bé Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa:*** Bà Tăng Tô Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và 21 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLST - DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2466/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Huỳnh Thúc K, sinh năm 1953;

Địa chỉ: 110 đường L, phường Q, thành phố K, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Huy H, sinh năm 1961; Địa chỉ: 151 H, Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 00000058, quyền số 01-SCT/CK lập ngày 14/02/2020 tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền.

- ***Bị đơn:*** Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 496 đường V, phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 35 đường số 5, Khu đô thị V, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 022349, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 06/8/2020 tại Văn phòng Công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh

năm 1968;

Địa chỉ: Số 112 đường H, phường Q, Thành phố K, tỉnh T.

Phiên tòa có mặt ông H, ông V; vắng mặt bà L (bà L có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Huỳnh Thúc K có ông Hà Huy H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 02/10/2019 ông Huỳnh Thúc K đã nộp vào tài khoản của bà Huỳnh Thị Thanh T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh K số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 02 tháng, không tính lãi suất. Việc cho vay tiền, ông K và bà T không lập thành hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Đến thời hạn trả nợ là ngày 02/12/2019 bà T không hoàn trả cho ông K số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng, mặc dù ông K đã gọi điện thoại yêu cầu thanh toán.

Ông K không đồng ý căn trừ số tiền 270.000.000 đồng bà T đã trả cho bà Nguyễn Thị Kim L là vợ của ông K vào số tiền 1.500.000.000 đồng bà T đã vay. Vì số tiền 270.000.000 đồng bà T trả cho bà L, ông K hoàn toàn không biết và không liên quan đến số tiền 1.500.000.000 đồng bà T vay của ông K.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu bà T trả lại cho ông số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T có ông Phạm Văn V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 02/10/2019, ông Huỳnh Thúc K có chuyển khoản vào tài khoản của bà Huỳnh Thị Thanh T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh K số tiền 1.500.000.000 đồng để cho bà T vay. Việc vay mượn hai bên không có lập văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói là việc cho vay không có lãi suất, từ tháng 11 năm 2019 mỗi tháng bà T trả cho ông K 90.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 1.500.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền, bà T đã trả cho ông K tổng cộng là 270.000.000 đồng thông qua người nhận là bà Nguyễn Thị Kim L- vợ của ông K, cụ thể như sau:

- Ngày 05/11/2019, bà T có nhờ ông Nguyễn Đại V chuyển trả vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kim L tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh K số tiền 90.000.000 đồng

- Ngày 02/12/2019, bà T có nhờ ông Nguyễn Trọng T chuyển trả vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kim L tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh K số tiền 90.000.000 đồng.

- Ngày 07/01/2020 bà T nhờ ông Phan Văn Dũng E đưa trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 90.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền còn lại bà T còn phải trả cho ông K là 1.230.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại chưa thanh toán cho ông K, bà T sẽ thanh toán cho ông K mỗi tháng 90.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 1.230.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà là vợ của ông Huỳnh Thúc K, số tiền 1.500.000.000 đồng ông K chuyển khoản cho bà Huỳnh Thị Thanh T vay vào ngày 02/10/2019 là tài sản riêng của ông Huỳnh Thúc K không phải tài sản chung của vợ chồng bà. Bà xác nhận bà có nhận tổng cộng 270.000.000 đồng từ bà T vào các ngày 05/11/2019, ngày 02/12/2019, ngày 07/01/2020 như trình bày của bà T. Số tiền bà T trả cho bà là để thanh toán cho khoản vay riêng giữa bà T và bà, không phải trả cho khoản vay 1.500.000.000 đồng của ông K.

Bà L có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị căn trừ 270.000.000 đồng bà T đã trả cho bà Nguyễn Thị Kim L vào số tiền 1.500.000.000 đồng bà T đã vay của ông Huỳnh Thúc K. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 1.230.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 ông Huỳnh Thúc K cho bà Huỳnh Thị Thanh T vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bà T cư trú tại Quận N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L.

Bị đơn có đơn yêu cầu đề ngày 20/8/2020 yêu cầu triệu tập ông Nguyễn Đại V, ông Nguyễn Trọng T, ông Phan Văn Dũng E, ông Huỳnh Gia B tham gia

tổ tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim L đã đơn trình bày thừa nhận có nhận khoản tiền 270.000.000 đồng từ bà T. Do đó không cần thiết triệu tập ông Nguyễn Đại V, ông Nguyễn Trọng T, ông Phan Văn Dũng E tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Riêng ông Huỳnh Gia B là người chuyển khoản cho bà L vào ngày 14/3/2018 để trả cho khoản vay giữa bà L và bà T. Xét thấy, trong vụ án này chỉ giải quyết tranh chấp về khoản vay 1.500.000.000 đồng giữa ông K và bà T. Các bên không có tranh chấp về khoản vay giữa bà L và bà T nên Tòa án không triệu tập ông B tham gia trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cùng với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn giao nộp thể hiện: Ngày 02/10/2019 ông Huỳnh Thúc K có chuyển khoản vào tài khoản của bà Huỳnh Thị Thanh T tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh K số tiền 1.500.000.000 đồng và bà T cũng xác nhận đã nhận số tiền 1.500.000.000 đồng từ ông K.

Ông K yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng do từ khi vay đến nay bà T chưa thanh toán cho ông khoản tiền nào.

Bị đơn là bà T không đồng ý với ý kiến trên của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền là 1.230.000.000 đồng do bà T đã trả cho ông K 270.000.000 đồng thông qua người nhận là bà Nguyễn Thị Kim L- vợ của ông K.

Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp và lời trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:

- Ngày 05/11/2019, bà T nhờ ông Nguyễn Đại V, chuyển trả vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 90.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh K với nội dung là “Em T chuyển trả”.

- Ngày 02/12/2019, bà T nhờ ông Nguyễn Trọng T chuyển trả vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kim L tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh K số tiền 90.000.000 đồng với nội dung là “Chuyển lãi tháng 12 của khoản vay 1.500.000.000 đồng- Chị T”.

- Ngày 07/01/2020 bà T nhờ ông Phan Văn Dũng E đưa trực tiếp cho bà L số tiền 90.000.000 đồng.

Xét thấy, các lần trả tiền trên của bà T cho bà L đều sau thời điểm ông K cho bà T vay số tiền 1.500.000.000 đồng vào ngày 02/10/2019. Và lần lượt vào

các tháng 11, tháng 12 năm 2019 và tháng 01 năm 2020 mỗi lần bà T trả cho bà L số tiền 90.000.000 đồng.

Trong đó lần chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng vào ngày 02/12/2019, nội dung chuyển khoản ghi là “Chuyển lãi tháng 12 của khoản vay 1.500.000.000 đồng- Chị T”. Bà L nhận được số tiền này và không có ý kiến gì, trong nội dung chuyển khoản cũng ghi rõ chuyển khoản cho khoản vay 1.500.000.000 đồng. Và tiếp sau đó ngày 07/01/2020 bà T trả tiếp cho L số tiền 90.000.000 đồng.

Theo người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tại phiên tòa, khoản vay 1.500.000.000 đồng là vay không có lãi nên nội dung chuyển khoản ngày 02/12/2019 ghi “chuyển lãi tháng 12...” là nhầm lẫn, số tiền 90.000.000 đồng là trả cho số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng chứ không phải trả lãi.

Từ những phân tích trên có cơ sở nhận định bà L biết được khoản tiền 270.000.000 đồng để trả cho khoản vay 1.500.000.000 của ông K. Do đó, ý kiến của bị đơn về việc cần trừ 270.000.000 đồng đã trả cho bà L vào số nợ bà T vay của ông K là 1.500.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định đây là khoản vay không có lãi nên số tiền 270.000.000 đồng bà T đã trả được trừ vào số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng. Số tiền bà T còn phải trả cho ông K là 1.230.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử nhận thấy chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả cho ông K số tiền còn nợ là 1.230.000.000 đồng.

[3] Về thời hạn thanh toán:

Theo bị đơn trình bày bà T và ông K có thỏa thuận sau khi vay từ tháng 11 năm 2019 mỗi tháng bà T trả cho ông K 90.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 1.500.000.000 đồng. Phía nguyên đơn lại trình bày hai bên chỉ thỏa thuận thời hạn vay là 2 tháng. Bị đơn không có tài liệu gì chứng minh giữa bà T và ông K có thỏa thuận mỗi tháng trả 90.000.000 đồng. Do đó, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 1.230.000.000 đồng, án phí phải chịu là 48.900.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là 270.000.000 đồng, án phí nguyên đơn phải chịu là 13.500.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thúc K số tiền còn nợ là 1.230.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Huỳnh Thúc K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Huỳnh Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.900.000 đồng.

Ông Huỳnh Thúc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.500.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp là 28.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005894 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Huỳnh Thúc K số tiền 15.000.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận N;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận N;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết